

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2020, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Y V, sinh năm 1995,
Hộ khẩu thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, Kon Tum;
Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã Đ, huyện T, tỉnh Kon Tum;
- *Bị đơn*: Anh A T; sinh năm: 1993;

Trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện T, Kon Tum;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 07 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự, được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Y V và anh A T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Y V và anh A T thuận tình ly hôn.
- *Về con chung*: Không có.
- *Về tài sản chung, nợ chung*: Tự thoả thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí sơ thẩm*: Chị Y V và anh A T đều là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn, các đương sự có đơn xin miễn nộp án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Y V và anh A T được miễn án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy

định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- VKSND huyện T;
- CCTHADS huyện T;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Minh Huy